

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2025/DS-PT

Ngày: 01-4-2025

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thơ.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Nguyễn Thanh Nhân;

2/ Bà Lâm Ngọc Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 399/2024/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 787/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Số A H, Khu phố B, Phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Số C T, Khu phố H, Phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Huỳnh Ngọc S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà Đ yêu cầu ông S trả cho bà một lần số tiền 219.500.000 đồng mà ông S đã viết biên nhận đã vay của bà Đ, bà Đ không lấy lãi, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Huỳnh Ngọc S là bị đơn trình bày:

Ngày 17/4/2022 ông S có vay của bà Đ số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) lãi suất 7%/tháng. Từ ngày 17/05/2022 đến ngày 17/11/2022: ông S có trả tiền lãi cho bà Đ là 07 tháng x 7.000.000 đồng = 49.000.000 đồng. Ngày 17/12/2022 ông S có trả lãi cho bà Đ là 6.500.000 đồng. Vậy ông S còn thiếu tiền lãi của bà Đ 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng). Từ ngày 17/01/2023 đến ngày 19/05/2024 do làm ăn thua lỗ nên ông S có chậm trả lãi cho bà Đ là 17 tháng x 7.000.000 đồng = 119.000.000 đồng (Một trăm mười chín triệu đồng).

Ngày 19/05/2024 bà Đ kêu ông S đến nhà bà Đ. Bà Đ nói tiền lãi thiếu bà Đ là 119.500.000 đồng (Một trăm mười chín triệu năm trăm ngàn đồng). Đồng thời bà Đ đưa ông S biên nhận ngày 17/04/2022 kêu ông S viết: "Có vay của Nguyễn Thị Đ là lãi 119.500.000 đồng (Một trăm mười chín triệu năm trăm ngàn đồng)". Bà Đ nói để cho biên nhận gọn đẹp ông S viết lại vốn 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) + lãi 119.500.000 đồng (Một trăm mười chín triệu năm trăm ngàn đồng). Vì quá tin tưởng vào bà Đ nên ông S viết biên nhận vay 219.500.000 đồng (Hai trăm mười chín triệu năm trăm ngàn đồng) ngày 19/05/2024. Trong đó có lãi nhập vốn.

Ngày 12/11/2024 tại phiên hòa giải ông S có nộp cho Tòa án một biên nhận vay tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) ngày 17/04/2022 và một phiếu nhỏ có chữ viết của cô Đ là: Ngày 17/04/AL.2022 Đã nhận: 1.7.000 2. 7.000 3. 7.000 ngày 21.12.2022 Trên đây là chữ viết của cô Đ nhưng cô Đ không thừa nhận.

Còn tờ giấy nhỏ ghi ngày 17.04.2022 đã nhận 1.7.000 2. 7.000 3. 7.000 ngày 21.12.2022 là chữ viết của cô Đ.

Nay ông S xin trả gốc là 100.000.000 đồng và tính lãi theo lãi suất Ngân hàng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 399/2024/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự; Khoản 2, Điều 26, điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc ông Huỳnh Ngọc S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ S1 tiền đã vay 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), thời gian trả 03 (ba) tháng khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08/01/2025, bị đơn Huỳnh Ngọc S có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng ông chỉ đồng ý nợ bà Nguyễn Thị Đ S1 tiền 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn Huỳnh Ngọc S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc S, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Đ trình bày có cho ông S vay 250.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, sau đó ông S có trả, đến ngày 19/5/2024 al còn nợ lại 219.500.000 đồng thì ông S có viết giấy biên nhận, hai bên cũng không thỏa thuận lãi suất. Nay bà yêu cầu ông S trả vốn 219.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Còn ông S cho rằng có vay của bà Đ 100.000.000 đồng vào ngày 17/4/2022, lãi suất thỏa thuận 7%/ tháng, có viết giấy biên nhận. Sau khi vay ông có trả lãi đủ đến tháng 11/2022, tiền lãi của tháng 12/2022 ông trả 6.500.000 đồng còn thiếu 500.000 đồng. Từ tháng 01/2023 đến tháng 5/2024 ông không trả lãi là 17 tháng là 119.000.000 đồng. Ngày 19/5/2024 bà Đ kêu ông đến nhà để tính tiền vốn lãi, ông có viết giấy biên nhận nợ 219.500.000 đồng. Ông xác định có vay của bà Đ số tiền 100.000.000 đồng, ông đồng ý trả số

tiền 100.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông S trả cho bà Đ số tiền 200.000.000 đồng, ông S không đồng ý và có yêu cầu kháng cáo.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông S, nhận thấy: Theo giấy biên nhận bản chính do bà Đ cung cấp (BL 16) thể hiện: “Tôi tên Huỳnh Ngọc S, căn cước công dân 082064016230 địa chỉ số C đường T, khu phố C, phường C, thị xã G có vay của Nguyễn Thị Đ 219.500.000 đồng (Hai trăm mười chín triệu năm trăm ngàn đồng) ngày 19 al tháng 5 năm 2024” có ký tên và ghi rõ họ tên Huỳnh Ngọc S. Như vậy có cơ sở xác định giữa bà Đ và ông S có xác lập hợp đồng vay, số tiền vay là 219.500.000 đồng. Hai bên không thỏa thuận lãi suất, không nói thời hạn trả. Sau khi vay, ông S không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Đ yêu cầu là có căn cứ. Ông S kháng cáo cho rằng ông chỉ vay 100.000.000 đồng vào ngày 17/4/2022 AL và ông chỉ đồng ý trả số tiền này. Xét lời nại này của ông là không có cơ sở. Bởi lẽ ông S thừa nhận giấy biên nhận ngày 19/5/2024 AL do bà Đ cung cấp là chính tay ông viết và ký tên, trong giấy biên nhận này không thể hiện có tiền lãi. Bên cạnh đó, ông S có cung cấp 01 giấy biên nhận ngày 17/4/2022 AL có nội dung: Ông có vay của bà Đ 100.000.000 đồng có ký tên, phía dưới chỗ ghi họ tên của ông, thì ghi: có vay của bà Đ là lãi 119.500.000 đồng, nhưng bà Đ không thừa nhận giấy biên nhận này, ông S không có chứng cứ gì chứng minh là có vay 100.000.000 đồng vốn và tính lãi 119.500.000 đồng. Tại tòa sơ thẩm bà Đ chỉ yêu cầu ông trả số tiền vốn 200.000.000 đồng là có lợi cho ông S. Ông S kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để hội đồng xét xử xem xét. Do đó hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông S không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên ông S là người cao tuổi nên thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Ngọc S. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 399/2024/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự; Khoản 2, Điều 26, điểm đ

khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc ông Huỳnh Ngọc S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đa S1 tiền đã vay 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), thời gian trả 03 (ba) tháng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông S chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm cho ông Huỳnh Ngọc S.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố G;
- Chi cục THADS thành phố G;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thơ